

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21 – 7 – 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc;
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Xuân Mạnh – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 03/7/2020 và 21/7/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 71/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/02/2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 03/7/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Huỳnh Thị D, sinh năm: 1976.
2. *Bị đơn:* Lê Hữu N, sinh năm: 1974.

Cùng địa chỉ: ấp T, xã T, huyện T - Đồng Tháp.

(Bà D có mặt, ông N vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và lời tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Huỳnh Thị D trình bày: bà và ông Lê Hữu N tiến hành hôn nhân, có đăng ký kết hôn năm 2002 tại UBND xã T. Trong quá trình chung sống có 03 con chung là Lê Thị Trúc T, sinh ngày 03/5/2003; Lê Hữu K,

sinh ngày 20/5/2005 và Lê Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 23/11/2014. Do bất đồng quan điểm, không thể hàn gắn tình cảm được, ông N đã có người đàn bà khác bên ngoài, nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về tình cảm: yêu cầu được ly hôn với ông N.

+ Về nuôi con chung: yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

+ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: không có.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Hữu N thống nhất về tình trạng hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung theo lời khai của nguyên đơn. Còn đối với yêu cầu thì:

+ Về tình cảm: không đồng ý ly hôn với bà D vì còn thương vợ, con, muốn hàn gắn hôn nhân.

+ Về con chung: tùy nguyện vọng của các con.

+ Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: không có.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Riêng đối với bị đơn chưa thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện T là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Nguyên – bị đơn thống nhất về tình trạng hôn nhân là có đăng ký kết hôn (giấy chứng nhận kết hôn được UBND xã T cấp ngày 09/10/2002) và có 03 con chung là T, K và T; tài sản chung: để tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: không có. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông N đều không có mặt để tiến hành hòa giải, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, chứng tỏ ông N không muốn hàn gắn tình cảm, mặt khác Tòa án đã thông báo yêu cầu ông cung cấp chứng cứ thể hiện việc phản đối về tình trạng hôn nhân mà bà D đã trình bày nhưng ông không có ý kiến phản hồi.

Tại phiên tòa hôm nay, bà D cho là đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, ông N có tình cảm bên ngoài, mặc dù bà đã nhiều lần tha thứ nhưng ông N không từ bỏ nên cương quyết xin được ly hôn.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt, do đó nghĩ cần cho ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

- Về nuôi con chung: bà D có yêu cầu được nuôi 03 con chung, tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng ông N cho là để các con lựa chọn sống với ông hay bà D. Xét thấy theo nguyện vọng của T, K, T là 03 con chung của bà D và ông N thì muốn được sống với mẹ. Do đó, nghĩ nên giao cho bà D tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung, là phù hợp ý kiến của ông N và nguyện vọng của các con.

- Về cấp dưỡng: bà D thừa nhận có thu nhập, đủ điều kiện khả năng kinh tế nuôi con, nên không yêu cầu. Ông N cũng không có ý kiến về việc cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung: để tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: nguyên – bị đơn thừa nhận không có.

[4] Từ những nhận định trên, nên chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, thì bà D là người khởi kiện thì phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000đồng. ông N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 92, 147 và 227 Bộ luật tố tụng dân sự ; Áp dụng các Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Huỳnh Thị D và ông Lê Hữu N được ly hôn.

- Về nuôi con chung: bà Huỳnh Thị D được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung là Lê Thị Trúc T, sinh ngày 03/5/2003; Lê Hữu K, sinh ngày 20/5/2005 và Lê Huỳnh Ngọc T, sinh ngày 23/11/2014 (hiện T, K, T đang sống với bà D). Ông Lê Hữu N không phải cấp dưỡng nuôi con (do không có yêu cầu).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Huỳnh Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số: BH/2018/0005963, ngày 17/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Bà D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND nơi ĐKKH.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
